BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
_____	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 10/2016/TT-BKHĐT	*Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2016*

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết việc giám sát, theo dõi và kiểm tra hoạt động đấu thầu

---

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư quy định chi tiết việc giám sát, theo dõi và kiểm tra hoạt động đấu thầu.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết việc giám sát, theo dõi và kiểm tra hoạt động đấu thầu, bao gồm:

1. Giám sát, theo dõi việc tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu trong quá trình lựa chọn nhà thầu và lựa chọn nhà đầu tư;

2. Kiểm tra việc ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác đấu thầu, phân cấp trong đấu thầu; kiểm tra đào tạo về đấu thầu; kiểm tra việc lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; kiểm tra việc tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; kiểm tra việc tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư qua mạng; ký kết hợp đồng; kiểm tra tình hình thực hiện báo cáo về công tác đấu thầu; kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát, theo dõi về công tác đấu thầu và các hoạt động khác liên quan đến đấu thầu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư; đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về hoạt động đấu thầu thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương và cá nhân thuộc các đơn vị này thực hiện việc giám sát, theo dõi;

2. Tổ chức, cá nhân tham gia kiểm tra hoạt động đấu thầu thuộc cơ quan kiểm tra quy định tại Khoản 3 Điều 125 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định

chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và Khoản 3 Điều 95 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư; tổ chức, cá nhân thuộc đơn vị được kiểm tra;

3. Người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu và tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức giám sát, theo dõi và kiểm tra hoạt động đấu thầu

1. Nguyên tắc tổ chức giám sát, theo dõi:

a) Tuân theo pháp luật, trung thực, khách quan, kịp thời và bảo mật thông tin;

b) Không can thiệp, không gây phiền hà, cản trở quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư, bên mời thầu.

2. Nguyên tắc tổ chứckiểm tra:

a) Tuân theo pháp luật, bảo đảm chính xác, khách quan, công khai, minh bạch và kịp thời;

b) Tiến hành độc lập song có sự phối hợp và phân định rõ thẩm quyền giữa các cơ quan kiểm tra;

c) Không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đơn vị được kiểm tra, nội dung và thời giankiểm tra giữa các cơ quan kiểm tra;

d) Trường hợp có sự trùng lặp về đơn vị được kiểm tra thì ưu tiên cho cơ quan quản lý chuyên ngành hoặc cơ quan cấp trên.

Điều 4. Hình thức kiểm tra

1. Kiểm tra định kỳ là việc tiến hành kiểm tra theo kế hoạch thường xuyên hàng năm được người đứng đầu cơ quan kiểm tra phê duyệt.

2. Kiểm tra đột xuất là việc tiến hành kiểm tra theo từng vụ việc (khi có vướng mắc, kiến nghị, đề nghị, khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật về đấu thầu bao gồm cả việc phát hiện thông qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia) theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu cơ quan kiểm tra.

Điều 5. Phương thức kiểm tra

1. Kiểm tra trực tiếp được tiến hành thông qua việc cơ quan kiểm tra thành lập đoàn kiểm tra để tiến hành kiểm tra trực tiếp tại cơ sở của đơn vị được kiểm tra. Kiểm tra trực tiếp là phương thức được áp dụng chủ yếu trong việc kiểm tra hoạt động đấu thầu.

2. Yêu cầu báo cáo được tiến hành thông qua việc cơ quan kiểm tra yêu cầu đơn vị được kiểm tra báo cáo bằng văn bản về nội dung cần kiểm tra. Yêu cầu báo cáo là phương thức áp dụng chủ yếu trong các vụ việc cụ thể phục vụ việc chỉ đạo điều hành kịp thời của người đứng đầu cơ quan các cấp theo thẩm quyền.

3. Căn cứ nhiệm vụ cụ thể, một cuộc kiểm tra có thể được thực hiện theo một hoặc kết hợp cả hai phương thức kiểm tra nêu trên.

Điều 6. Thời gian trong kiểm tra hoạt động đấu thầu

1. Đối với lựa chọn nhà thầu:

a) Thời giankiểm tra trực tiếp tại cơ sở của một đơn vị được kiểm tra tối đa là 7 ngày làm việc kể từ ngày công bố Quyết định kiểm tra. Trong thời hạn tối đa là 20 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra trực tiếp, Đoàn kiểm tra phải có Báo cáo kiểm tra. Người đứng đầu cơ quan kiểm tra phê duyệt Kết luận kiểm tra theo quy định tại Điều 19 Thông tư này trong thời hạn tối đa là 10 ngày kể từ ngày Đoàn kiểm tra trình dự thảo Kết luận kiểm tra;

b) Trường hợp cuộc kiểm tra phức tạp và liên quan đến nhiều đơn vị được kiểm tra thì thời gian thực hiện kiểm tra trực tiếp tại cơ sở của các đơn vị được kiểm tra tối đa là 15 ngày kể từ ngày công bố Quyết định kiểm tra, trong đó thời gian kiểm tra trực tiếp đối với một đơn vị được kiểm tra không quá 07 ngày làm việc. Trong thời hạn tối đa là 40 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra trực tiếp, Đoàn kiểm tra phải có Báo cáo kiểm tra. Người đứng đầu cơ quan kiểm tra phê duyệt Kết luận kiểm tra theo quy định tại Điều 19 Thông tư này trong thời hạn tối đa là 15 ngày kể từ ngày Đoàn kiểm tra trình dự thảo Kết luận kiểm tra.

2. Đối với lựa chọn nhà đầu tư:

a) Thời gian kiểm tra trực tiếp tại cơ sở của một đơn vị được kiểm tra tối đa là 10 ngày làm việc kể từ ngày công bố Quyết định kiểm tra. Trong thời hạn tối đa là 30 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra trực tiếp, Đoàn kiểm tra phải có Báo cáo kiểm tra. Người đứng đầu cơ quan kiểm tra phê duyệt Kết luận kiểm tra theo quy định tại Điều 19 Thông tư này trong thời hạn tối đa là 10 ngày kể từ ngày Đoàn kiểm tra trình dự thảo Kết luận kiểm tra;

b) Trường hợp cuộc kiểm tra phức tạp và liên quan đến nhiều đơn vị được kiểm tra thì thời gian thực hiện kiểm tra trực tiếp tại cơ sở của các đơn vị được kiểm tra tối đa là 20 ngày kể từ ngày công bố Quyết định kiểm tra, trong đó thời gian kiểm tra trực tiếp đối với một đơn vị được kiểm tra không quá 10 ngày làm việc. Trong thời hạn tối đa là 45 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra trực tiếp, Đoàn kiểm tra phải có Báo cáo kiểm tra. Người đứng đầu cơ quan kiểm tra phê duyệt Kết luận kiểm tra theo quy định tại Điều 19 Thông tư này trong thời hạn tối đa là 15 ngày kể từ ngày Đoàn kiểm tra trình dự thảo Kết luận kiểm tra.

Điều 7. Điều kiện đối với cá nhân thực hiện việc giám sát, theo dõi và thành viên Đoàn kiểm tra

1. Cá nhân thực hiện việc giám sát, theo dõi phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có chứng chỉ đào tạo về đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

b) Có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm hoạt động trực tiếp trong lĩnh vực đấu thầu thuộc các tổ chức như: cơ quan quản lý về đấu thầu; bên mời thầu; tổ chuyên gia; cơ quan, đơn vị thẩm định;

c) Có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế, gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ.

2. Thành viên Đoàn kiểm tra phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, riêng Trưởng đoàn kiểm tra phải có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm hoạt động trực tiếp trong lĩnh vực đấu thầu. Trong trường hợp đặc biệt cần có ý kiến của các chuyên gia chuyên ngành thì Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo người đứng đầu cơ quan kiểm trabổ sung các chuyên gia này tham gia Đoàn kiểm tra. Các chuyên gia này không bắt buộc phải có chứng chỉ đào tạo về đấu thầu.

Điều 8. Kinh phí thực hiện kiểm tra

1. Kinh phí thực hiện kiểm tra được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của đơn vị chủ trì kiểm tra hoạt động đấu thầu thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương; Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Các doanh nghiệp nhà nước bố trí kinh phí cho việc thực hiện kiểm tra trong nguồn vốn do doanh nghiệp quản lý.

Chương II TỔ CHỨC GIÁM SÁT, THEO DÕI HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU

Điều 9. Nội dung giám sát, theo dõi đối với lựa chọn nhà thầu

Nội dung giám sát, theo dõi đối với lựa chọn nhà thầu bao gồm:

1. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu: Căn cứ pháp lý để lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của chủ đầu tư, bên mời thầu; việc tuân thủ các mẫu hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành về hình thức và nội dung;

2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu: Về thời gian trong lựa chọn nhà thầu, việc phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; thời điểm đóng thầu, mở thầu; về tiếp nhận hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;

3. Đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất: Chất lượng báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, việc tuân thủ mẫu báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành về hình thức và nội dung; nội dung thương thảo hợp đồng;

4. Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu: Chất lượng báo cáo thẩm định, việc tuân thủ mẫu báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành về hình thức và nội dung; tính đầy đủ của hồ sơ trình duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

5. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng: Quá trình hoàn thiện hợp đồng, nội dung hợp đồng ký kết và việc tuân thủ các căn cứ pháp lý trong việc ký kết và thực hiện hợp đồng.

Điều 10. Nội dung giám sát, theo dõi đối với lựa chọn nhà đầu tư

Nội dung giám sát, theo dõi đối với lựa chọn nhà đầu tư bao gồm:

1. Chuẩn bị lựa chọn nhà đầu tư: Căn cứ pháp lý để lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của bên mời thầu; việc tuân thủ các mẫu hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành về hình thức và nội dung;

2. Đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất: Chất lượng báo cáo đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thời gian đánh giá;

3. Thẩm định và phê duyệt kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư: Chất lượng báo cáo thẩm định; tính đầy đủ của hồ sơ trình duyệt kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư; thời gian thẩm định và phê duyệt kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

4. Đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng: Quá trình đàm phán sơ bộ, đàm phán và hoàn thiện hợp đồng; nội dung thỏa thuận đầu tư, hợp đồng ký kết.

Điều 11. Quy trình giám sát, theo dõi đối với lựa chọn nhà thầu

1. Người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong đó nêu cụ thể gói thầu hoặc dự án/dự toán mua sắm cần thực hiện việc giám sát, theo dõi và tên của cá nhân hoặc đơn vị giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu.

2. Cá nhân hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư, bên mời thầu, trong đó nêu cụ thể nội dung, phương thức giám sát, theo dõi đồng thời yêu cầu chủ đầu tư, bên mời thầu phối hợp và tạo điều kiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Cá nhân hoặc đơn vị giám sát, theo dõi có quyền yêu cầu chủ đầu tư, bên mời thầu cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu khi thực hiện giám sát, theo dõi. Trường hợp cần thiết, cá nhân hoặc đơn vị giám sát, theo dõi có thể tham gia lễ mở thầu, các cuộc họp xét thầu của tổ chuyên gia hoặc các cuộc họp của tổ thẩm định. Cá nhân hoặc đơn vị giám sát, theo dõi tuyệt đối không được can thiệp vào quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư, bên mời thầu.

4. Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu trong quá trình thực hiện việc giám sát, theo dõi, cá nhân hoặc đơn vị giám sát, theo dõi phải báo cáo kịp thời bằng văn bản đến người có thẩm quyền. Nội dung báo cáo phải đề cập cụ thểvề hành vi, nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu của chủ đầu tư, bên mời thầu, đề xuất hướng khắc phục hoặc biện pháp xử lý.

5. Trên cơ sở báo cáo của cá nhân hoặc đơn vị giám sát, theo dõi, người có thẩm quyền xem xét, quyết định biện pháp xử lý thích hợp, bảo đảm tính kịp thời và hiệu quả của quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu.

Điều 12. Quy trình giám sát, theo dõi đối với lựa chọn nhà đầu tư

1. Đối với dự án có áp dụng sơ tuyển, khi phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, đề xuất dự án (đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư nhóm C) hoặc khi phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất, người có thẩm quyền quyết định cử cá nhân hoặc đơn vị giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu. Trường hợp dự án không áp dụng sơ

tuyển, người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư trong đó nêu cụ thể tên của cá nhân hoặc đơn vị giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu.

2. Cá nhân hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu thông báo bằng văn bản cho người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (người được ủy quyền), bên mời thầu, trong đó nêu cụ thể nội dung, phương thức giám sát, theo dõi đồng thời yêu cầu người được ủy quyền, bên mời thầu phối hợp và tạo điều kiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Cá nhân hoặc đơn vị giám sát, theo dõi có quyền yêu cầu bên mời thầu cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến quá trình lựa chọn nhà đầu tư khi thực hiện giám sát, theo dõi. Trường hợp cần thiết, cá nhân hoặc đơn vị giám sát, theo dõi có thể tham gia lễ mở thầu, các cuộc họp xét thầu của tổ chuyên gia hoặc các cuộc họp của tổ thẩm định. Cá nhân hoặc đơn vị giám sát, theo dõi tuyệt đối không được can thiệp vào quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện trách nhiệm của bên mời thầu.

4. Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu trong quá trình thực hiện việc giám sát, theo dõi, cá nhân hoặc đơn vị giám sát, theo dõi phải báo cáo kịp thời bằng văn bản đến người có thẩm quyền. Nội dung báo cáo phải đề cập cụ thểvề hành vi, nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu của bên mời thầu, đề xuất hướng khắc phục hoặc biện pháp xử lý.

5. Trên cơ sở báo cáo của cá nhân hoặc đơn vị giám sát, theo dõi, người có thẩm quyền xem xét, quyết định biện pháp xử lý thích hợp, bảo đảm tính kịp thời và hiệu quả của quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.

Chương III TỔ CHỨC KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU

Mục 1. KẾ HOẠCH, QUYẾT ĐỊNH VÀ NỘI DUNG KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU

Điều 13. Lập, điều chỉnh và thông báo kế hoạch kiểm tra định kỳ

1. Căn cứ tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu của từng năm, đơn vị chủ trì kiểm tra lập kế hoạch kiểm tra định kỳ cho năm sau trình người đứng đầu cơ quan kiểm tra phê duyệt để làm cơ sở triển khai thực hiện. Kế hoạch kiểm tra định kỳ bao gồm các nội dung sau đây:

a) Danh sách các đơn vị được kiểm tra, dự án/kế hoạch mua sắm (nếu có) sẽ tiến hành kiểm tra;

b) Thời gian thực hiện kiểm tra;

c) Phạm vi và nội dung kiểm tra;

d) Đơn vị phối hợp kiểm tra (nếu có).

2. Trường hợp cần điều chỉnh kế hoạch kiểm tra định kỳ đã phê duyệt, đơn vị chủ trì kiểm tra lập kế hoạch kiểm tra định kỳ điều chỉnh trình người đứng đầu cơ quan kiểm tra phê duyệt.

3. Kế hoạchkiểm tra định kỳ và kế hoạch kiểm tra định kỳ điều chỉnh (nếu có) được gửi đến đơn vị được kiểm tra, Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với kế hoạch kiểm tra định kỳ của các cơ quan kiểm tra ở địa phương) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong thời hạn tối đa là 10 ngày kể từ ngày được phê duyệt nhưng phải đảm bảo đơn vị được kiểm tra nhận được tối thiểu là 15 ngày trước ngày tiến hành kiểm tra.

Điều 14. Lập, trình và phê duyệt Quyết định kiểm tra

1. Quyết định kiểm tra được lập khi có một trong các căn cứ sau:

a) Kế hoạchkiểm tra định kỳ hoặc kế hoạch kiểm tra định kỳ điều chỉnh được người đứng đầu cơ quan kiểm tra phê duyệt;

b) Ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người đứng đầu cơ quan kiểm tra về việc tiến hành kiểm tra đột xuất.

2. Quyết định kiểm tra được lập theo Mẫu số 1 Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này, trong đó bao gồm các nội dung sau:

a) Căn cứ để tiến hành kiểm tra;

b) Thành phần Đoàn kiểm tra (Trưởng đoàn, Phó trưởng đoàn, Thư ký đoàn và các thành viên);

c) Tổ chức thực hiện kiểm tra, bao gồm các nội dung sau đây:

- Trách nhiệm của Đoàn kiểm tra;

- Trách nhiệm của Trưởng đoàn và các thành viên đoàn kiểm tra.

d) Thời gian kiểm tra;

đ) Kinh phí hoạt động của Đoàn kiểm tra;

3. Người đứng đầu cơ quan kiểm tra có trách nhiệm xem xét, phê duyệt Quyết định kiểm tra để làm cơ sở thực hiện kiểm tra.

Điều 15. Nội dung kiểm tra định kỳ

Nội dung kiểm tra định kỳ được xây dựng theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và điểm a Khoản 4 Điều 95 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

Điều 16. Nội dung kiểm tra đột xuất

Căn cứ theo yêu cầu kiểm tra đột xuất, Quyết định kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra quy định các nội dung kiểm tra cho phù hợp.

Mục 2. QUY TRÌNH KIỂM TRA THEO PHƯƠNG THỨC KIỂM TRA TRỰC TIẾP

Điều 17. Chuẩn bị kiểm tra

Căn cứ kế hoạch kiểm tra định kỳ hoặc yêu cầu kiểm tra đột xuất, đơn vị chủ trì kiểm tra phân công cán bộ phụ trách làm đầu mối (đồng thời là Thư ký của Đoàn khi thành lập Đoàn kiểm tra) thực hiện các công việc chuẩn bị kiểm tra như sau:

1. Khảo sát để lập chương trình kiểm tracụ thể, bao gồm:

a) Liên hệ với đơn vị được kiểm tra để thu thập thông tin, tài liệu ban đầu về chủ đầu tư, bên mời thầu; dự án, dự toán mua sắm, gói thầu dự kiến kiểm tra

1

;

b) Xác định thành viên tham gia của đơn vị phối hợp (nếu có);

c) Xác định thành phần của Đoàn kiểm tra.

2. Lập, trình người đứng đầu cơ quan kiểm tra phê duyệt Quyết định kiểm tra theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

3. Lập, trình Trưởng đoàn kiểm tra phê duyệt kế hoạch kiểm tra chi tiết sau khi có Quyết định kiểm tra. Trường hợp cuộc kiểm tra phức tạp và liên quan đến nhiều đơn vị được kiểm tra hoặc theo yêu cầu kiểm tra đột xuất, Trưởng đoàn kiểm tra xem xét, quyết định trình kế hoạch kiểm tra chi tiết lên người đứng đầu cơ quan kiểm tra phê duyệt. Kế hoạch kiểm tra chi tiết được lập theo Mẫu số 2 Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này, trong đó bao gồm các nội dung:

a) Căn cứ thực hiện kiểm tra;

b) Đơn vị được kiểm tra;

c) Mục đích của cuộc kiểm tra;

d) Nội dung và phạm vi kiểm tra;

đ) Thành phần Đoàn kiểm tra;

e) Thời gian, địa điểm và chương trình kiểm tra;

g) Trách nhiệm của đơn vị được kiểm tra;

h) Cách thức kiểm tra.

4. Xây dựng đề cương báo cáo theo Mẫu số 3A đối với nội dung kiểm tra về lựa chọn nhà thầu, Mẫu số 3B đối với nội dung kiểm tra về lựa chọn nhà đầu tư Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này làm cơ sở cho đơn vị được kiểm tra lập báo cáo về hoạt động đấu thầu cần kiểm tra.

5. Thông báo bằng văn bản theo Mẫu số 4 Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này cho đơn vị được kiểm tra, cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị được kiểm tra (nếu có) và các

đơn vị có liên quan đến việc kiểm tra, nếu có (kèm theo kế hoạch kiểm tra chi tiết và đề cương báo cáo). Văn bản thông báo được gửi cho đơn vị được kiểm tra trong thời hạn tối thiểu là 10 ngày trước ngày tiến hành kiểm tra.

6. Lập dự toán kinh phí cho Đoàn kiểm tra trên cơ sở Quyết định kiểm tra theo quy định tại Điều 8 và Khoản 2 Điều 14 Thông tư này.

Điều 18. Thực hiện kiểm tra

1. Căn cứ kế hoạch kiểm tra chi tiết, Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm công bố Quyết định kiểm tra, lập biên bản theo Mẫu số 5 Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này đồng thời tổ chức thực hiện kiểm tra.

2. Đoàn kiểm tra tiến hành thu thập, nghiên cứu, phân tích, đánh giá các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động đấu thầu được kiểm tra, lập biểu đánh giá và nhận xét đối với từng nội dung liên quan; tiến hành kiểm tra, xác minh các thông tin, tài liệu (nếu cần thiết); tiến hành kiểm tra kết quả thực hiện để làm cơ sở kết luận các nội dung kiểm tra.

Trong quá trình kiểm tra, Đoàn kiểm tra có thể trao đổi với các đơn vị được kiểm tra và tiến hành kiểm tra thực địa khi cần thiết. Tùy thuộc vào quy mô, tính chất của cuộc kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm traquyết định việc lập biên bản xác nhận nội dung kiểm tra.

3. Đoàn kiểm tra thông báo bằng văn bản theo Mẫu số 6 Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này cho đơn vị được kiểm tra biết về việc kết thúc kiểm tra trực tiếp tại cơ sở và bàn giao tài liệu, trang thiết bị sử dụng (nếu có) trong quá trình kiểm tra.

4. Sau khi kết thúc kiểm tra trực tiếp tại cơ sở, Đoàn kiểm tra xây dựng dự thảo Báo cáo kiểm tra theo Mẫu số 7A đối với nội dung kiểm tra về lựa chọn nhà thầu [2], Mẫu số 7B đối với nội dung kiểm tra về lựa chọn nhà đầu tư[3] Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này, trình Trưởng đoàn kiểm tra xem xét, quyết định trước khi gửi cho đơn vị được kiểm tra có ý kiến. Dự thảo Báo cáo kiểm tra được gửi cho đơn vị được kiểm tra bằng văn bản hoặc đồng thời bằng văn bản, fax và email.

5. Đơn vị được kiểm tra có ý kiến đối với các nội dung của dự thảo Báo cáo kiểm tra trong thời hạn tối đa là 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo. Trường hợp cuộc kiểm tra phức tạp và liên quan đến nhiều đơn vị được kiểm tra thì thời hạn có ý kiến tối đa là 20 ngày. Trường hợp đơn vị được kiểm tra có ý kiến chưa thống nhất với dự thảo Báo cáo kiểm tra thì cần giải trình bằng văn bản đối với các nội dung chưa thống nhất được nêu trong dự thảo.

6. Trên cơ sở dự thảo Báo cáo kiểm tra, ý kiến tiếp thu giải trình của đơn vị được kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra chỉ đạo việc hoàn thiện Báo cáo kiểm tra trình người đứng đầu cơ quan kiểm tra.

Điều 19. Kết luận kiểm tra

1. Trên cơ sở Báo cáo kiểm tra, Đoàn kiểm tra dự thảo Kết luận kiểm tra theo Mẫu số 8A đối với nội dung kiểm travề lựa chọn nhà thầu, Mẫu số 8B đối với nội dung kiểm travề lựa chọn nhà đầu tư Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này để trình người đứng đầu cơ quan kiểm tra xem xét, phê duyệt.

2. Kết luận kiểm tra được gửi cho đơn vị được kiểm tra và cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị được kiểm tra (nếu có) và các đơn vị có liên quan (nếu cần thiết).

3. Trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu, tùy theo mức độ vi phạm, người đứng đầu cơ quan kiểm tra quyết định biện pháp xử lý ngay trong Kết luận kiểm tra hoặc đề nghị chuyển hồ sơ, tài liệu cho cơ quan thanh tra hoặc cơ quan điều tra đối với trường hợp cấu thành tội phạm theo quy định của pháp luật về hình sự để xử lý theo quy định.

Mục 3. QUY TRÌNH KIỂM TRA THEO PHƯƠNG THỨC YÊU CẦU BÁO CÁO

Điều 20. Chuẩn bị yêu cầu báo cáo

Cơ quan kiểm tra yêu cầu đơn vị được kiểm tra báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý về đấu thầu hoặc tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo các nội dung sau đây:

1. Mục đích, yêu cầu báo cáo;

2. Phạm vi và nội dung báo cáo;

3. Đề cương yêu cầu báo cáo;

4. Thời hạn nộp báo cáo của đơn vị được kiểm tra;

5. Trách nhiệm của đơn vị được kiểm tra;

6. Các nội dung khác có liên quan.

Điều 21. Xử lý thông tin, tài liệu báo cáo

Căn cứ báo cáo của đơn vị được kiểm tra, đơn vị chủ trì kiểm tra thực hiện thu thập, nghiên cứu, phân tích, đánh giá các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung yêu cầu báo cáo; tiến hành xác minh các thông tin, tài liệu khi cần thiết. Trong quá trình kiểm tra, đơn vị chủ trì kiểm tra có thể trao đổi với đơn vị được kiểm tra (nếu cần thiết).

Điều 22. Báo cáo kiểm tra

Đơn vị chủ trì kiểm tratổ chức xây dựng dự thảo Báo cáo kiểm tra trong đó có đề xuất biện pháp xử lý đối với các vấn đề phát hiện được trong quá trình kiểm tra.

Điều 23. Kết luận kiểm tra

Đơn vị chủ trì kiểm tra dự thảo Kết luận kiểm tra theo quy định tại Điều 19 Thông tư này trình người đứng đầu cơ quan kiểm tra xem xét, phê duyệt.

Mục 4. XỬ LÝ SAU KIỂM TRA

Điều 24. Theo dõi việc thực hiện Kết luận kiểm tra

Trường hợp đơn vị được kiểm tra có sai sót hoặc vi phạm trong hoạt động đấu thầu, cần có thời gian để khắc phục, đơn vị chủ trì kiểm tra có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện Kết luận kiểm tra.

Điều 25. Báo cáo phản hồi về tình hình thực hiện Kết luận kiểm tra

Trên cơ sở Kết luận kiểm tra, người đứng đầu đơn vị được kiểm tra chỉ đạo thực hiện Kết luận kiểm tra và báo cáo phản hồi về tình hình thực hiện Kết luận kiểm tra theo các nội dung sau:

1. Khắc phục ngay đối với những tồn tại, sai sót có thể khắc phục được trong dự án/dự toán mua sắm, gói thầu đang thực hiện;

2. Chấn chỉnh hoạt động đấu thầu đối với các dự án/dự toán mua sắm, gói thầu khác;

3. Báo cáo danh sách các tổ chức, cá nhân có liên quan đã bị xử lý theo quy định của pháp luật trong trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu;

4. Báo cáo phản hồi về tình hình thực hiện Kết luận kiểm tra theo Mẫu số 9 Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này và gửi cơ quan kiểm tra trong thời hạn quy định tại Kết luận kiểm tra.

Điều 26. Cơ chế xử lý đối với việc không thực hiện Kết luận kiểm tra

Tổ chức, cá nhân thuộc đơn vị được kiểm tra và tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Kết luận kiểm tra mà không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không kịp thời thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp cấu thành tội phạm theo quy định của pháp luật về hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương IV PHÂN CẤP TRÁCH NHIỆM TRONG GIÁM SÁT, THEO DÕI VÀ KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU

Mục 1. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN THAM GIA GIÁM SÁT, THEO DÕI

Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân giám sát, theo dõi

Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân giám sát, theo dõi quá trình lựa chọn nhà thầu và lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 126 Nghị định 63/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và Khoản 5 Điều 96 Nghị định 30/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

Điều 28. Trách nhiệm của chủ đầu tư, bên mời thầu

1. Công khai tên, địa chỉ liên hệ của cá nhân hoặc đơn vị giám sát, theo dõi trong hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

2. Phối hợp và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân giám sát, theo dõi trong quá trình thực hiện việc giám sát, theo dõi.

3. Báo cáo trung thực, cung cấp thông tin, tài liệu kịp thời, đầy đủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cung cấp.

Điều 29. Trách nhiệm của nhà thầu, nhà đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan

Khi tổ chức, cá nhân thực hiện việc giám sát, theo dõi có yêu cầu, nhà thầu, nhà đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu kịp thời, đầy đủ, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cung cấp.

Mục 2. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN THAM GIA KIỂM TRA

Điều 30. Trách nhiệm của Đoàn kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra và các thành viên

1. Trách nhiệm của Đoàn kiểm tra:

a) Thực hiện kiểm tra hoạt động đấu thầu theo quy định tại Quyết định kiểm tra;

b) Đề nghị đơn vị được kiểm tra, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu để phục vụ việc kiểm tra theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra;

c) Xây dựng Báo cáo kiểm tra và dự thảo Kết luận kiểm tra.

2. Trách nhiệm của Trưởng đoàn kiểm tra:

a) Tổ chức xây dựng và phê duyệt kế hoạch kiểm tra chi tiết;

b) Tổ chức, chỉ đạo, phân công các thành viên Đoàn kiểm tra thực hiện kiểm tra theo đúng quy định;

c) Thể hiện thái độ công tâm, cầu thị, không gây khó khăn, nhũng nhiễu đơn vị được kiểm tra; tuân thủ các quy định về phòng, chống tham nhũng.

3. Trách nhiệm của thành viên Đoàn kiểm tra:

a) Thực hiện kiểm tra theo đúng quy định và theo phân công của Trưởng đoàn kiểm tra;

b) Tham gia công tác chuẩn bị kiểm tra, xây dựng Báo cáo kiểm tra cá nhân theo phân công và gửi cho Thư ký đoàn kiểm tra để tổng hợp;

c) Báo cáo Trưởng đoàn kiểm tra về kết quả kiểm tra do mình thực hiện;

d) Thể hiện thái độ công tâm, cầu thị, không gây khó khăn, nhũng nhiễu đơn vị được kiểm tra; tuân thủ các quy định về phòng chống tham nhũng.

Điều 31. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thuộc đơn vị được kiểm tra

1. Phối hợp và tạo điều kiện cho Đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra.

2. Báo cáo trung thực, cung cấp thông tin, tài liệu kịp thời, đầy đủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cung cấp.

3. Được Đoàn kiểm tra thông báo về dự thảo Báo cáo kiểm tra và có quyền kiến nghị, giải trình về dự thảo Báo cáo kiểm tra.

4. Thực hiện Kết luận kiểm tra của cơ quan kiểm tra.

5. Gửi báo cáo phản hồi về tình hình thực hiện Kết luận kiểm tra đến cơ quan kiểm tra theo quy định tại Điều 25 Thông tư này.

6. Tổng hợp danh sách các tổ chức, cá nhân có liên quan đã bị xử lý và báo cáo cơ quan kiểm tra đồng thời báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với trường hợp cơ quan kiểm tra không phải là Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Điều 32. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân có liên quan

1. Báo cáo trung thực, cung cấp thông tin, tài liệu kịp thời, đầy đủ khi Đoàn kiểm tra có yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cung cấp.

2. Được Đoàn kiểm tra thông báo về dự thảo Báo cáo kiểm tra (nếu cần thiết) và có quyền kiến nghị, giải trình về dự thảo Báo cáo kiểm tra.

Mục 3. TRÁCH NHIỆM CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

Điều 33. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, tổ chức việc giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ;

b) Chủ trì, tổ chứckiểm tra trên phạm vi cả nước đối với các hoạt động đấu thầu được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư này;

c) Phê duyệt kế hoạchkiểm tra định kỳ, Quyết định kiểm tra và Kết luận kiểm tra hoạt động đấu thầu thuộc các dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và hoạt động đấu thầu tại các Bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp nhà nước do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thực hiện kiểm tra;

d) Quyết định biện pháp xử lý sau kiểm tra (nếu có);

đ) Tổng hợp tình hình thực hiện giám sát, theo dõi và kiểm tra hoạt động đấu thầu hàng năm trên phạm vi cả nước để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Cục Quản lý đấu thầu chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này và các cuộc kiểm tra hoạt động đấu thầu do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định.

Điều 34. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, các Cơ quan khác ở Trung ương

1. Trách nhiệm của Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương:

a) Chỉ đạo việc tổ chức giám sát, theo dõi đối với các gói thầu thuộc dự án/dự toán mua sắm do mình quyết định;

b) Chỉ đạo kiểm tra việc lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, kiểm tra việc tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, ký kết hợp đồng và các hoạt động khác

liên quan đến đấu thầu tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc và đối với các dự án/dự toán mua sắm do mình quyết định;

c) Phê duyệt kế hoạch kiểm tra định kỳ đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Thông tư này; Quyết định kiểm tra và Kết luận kiểm tra hoạt động đấu thầu quy định tại điểm b Khoản này;

d) Giao đơn vị có nhiệm vụ quản lý về hoạt động đấu thầu thuộc cơ quan mình chủ trì, tổ chức giám sát, theo dõi và kiểm tra hoạt động đấu thầu;

đ) Quyết định biện pháp xử lý sau kiểm tra (nếu có);

e) Chỉ đạo tổng hợp tình hình thực hiện kiểm tra hàng năm đối với hoạt động đấu thầu của các cơ quan, đơn vị thuộc mình quản lý, hoạt động đấu thầu thuộc các dự án/dự toán mua sắm do mình quyết định và các nội dung khác có liên quan;

g) Chỉ đạo tổng hợp danh sách các nhà thầu, các tổ chức/cá nhân có liên quan đã bị xử lý khi phát hiện vi phạm pháp luật về đấu thầu, pháp luật khác có liên quan trong quá trình kiểm tra;

h) Chỉ đạo các đơn vị gửi báo cáo được quy định tại điểm e và điểm g Khoản này đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Cơ quan, đơn vị được phân công chức năng, nhiệm vụ kiểm tra hoạt động đấu thầu của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các cuộc kiểm tra do người đúng đầu cơ quan, đơn vị mình quyết định.

Điều 35. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Chủ trì, tổ chứckiểm tra hoặc chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều này.

2. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, tổ chức việc giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu đối với các dự án/dự toán mua sắm do địa phương quyết định đầu tư hoặc quản lý;

b) Tổ chức kiểm tra đào tạo về đấu thầu, kiểm tra việc lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, kiểm tra việc tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, ký kết hợp đồng và các hoạt động khác liên quan đến đấu thầu tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và các dự án/dự toán mua sắm thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

c) Phê duyệt kế hoạch kiểm tra định kỳ đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Thông tư này; Quyết định kiểm tra và Kết luận kiểm tra hoạt động đấu thầu quy định tại điểm b Khoản này;

d) Tổng hợp cáo cáo phản hồi về tình hình thực hiện Kết luận kiểm tra đối với các dự án/dự toán mua sắm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì kiểm tra trên địa bàn tỉnh;

đ) Giao một phòng, ban trực thuộc thực hiện chức năng, nhiệm vụ giám sát, theo dõi và kiểm tra hoạt động đấu thầu;

e) Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về Kết luận kiểm tra;

g) Quyết định biện pháp xử lý sau kiểm tra (nếu có);

h) Tổng hợp tình hình thực hiện kiểm tra hàng năm của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và các dự án/dự toán mua sắm thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

i) Tổng hợp danh sách các nhà thầu, các tổ chức/cá nhân có liên quan đã bị xử lý khi phát hiện vi phạm pháp luật về đấu thầu, pháp luật khác có liên quan trong quá trình kiểm tra của đơn vị mình cũng như của các đơn vị khác thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

k) Yêu cầu các đơn vị gửi các báo cáo được quy định tại điểm h và điểm i Khoản này về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Trách nhiệm của Giám đốc các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Tổ chức kiểm tra việc lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, kiểm tra việc tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, ký kết hợp đồng và các hoạt động khác liên quan đến đấu thầu đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình và các dự án/dự toán mua sắm do mình quyết định;

b) Phê duyệt kế hoạch kiểm tra định kỳ đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi trong thời hạn tối đa là 10 ngày kể từ ngày được phê duyệt; Quyết định kiểm tra và Kết luận kiểm tra hoạt động đấu thầu quy định tại điểm a Khoản này;

c) Giao một phòng, ban trực thuộc thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra về hoạt động đấu thầu;

d) Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về Kết luận kiểm tra;

đ) Quyết định biện pháp xử lý sau kiểm tra (nếu có);

e) Tổng hợp tình hình thực hiện kiểm tra hàng năm đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình và các dự án/dự toán mua sắm do mình quyết định;

g) Tổng hợp danh sách các nhà thầu, các tổ chức/cá nhân có liên quan đã bị xử lý trong trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật về đấu thầu, pháp luật khác có liên quan trong quá trình kiểm tra;

h) Chỉ đạo các đơn vị gửi các báo cáo được quy định tại điểm e và điểm g Khoản này về các Sở, ban, ngành để tổng hợp, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tổ chứckiểm tra việc lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kiểm tra việc tổ chức lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng và các hoạt động khác liên quan đến đấu thầu đối với các dự án/dự toán mua sắm do mình quyết định và các dự án/dự toán mua sắm do cấp xã quyết định hoặc làm chủ đầu tư/bên mời thầu;

b) Phê duyệt kế hoạch kiểm tra định kỳ đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Thông tư này; Quyết định kiểm tra và Kết luận kiểm tra hoạt động đấu thầu quy định tại điểm a Khoản này;

c) Giao một phòng ban trực thuộc thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra hoạt động đấu thầu;

d) Báo cáo Kết luận kiểm tra tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

đ) Quyết định biện pháp xử lý sau kiểm tra (nếu có);

e) Tổng hợp tình hình thực hiện kiểm tra hàng năm đối với các dự án/dự toán mua sắm do mình quyết định và các dự án/dự toán mua sắm do cấp xã quyết định hoặc làm chủ đầu tư/bên mời thầu;

g) Tổng hợp danh sách các nhà thầu, các tổ chức/cá nhân có liên quan đã bị xử lý trong trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật về đấu thầu, pháp luật khác có liên quan trong quá trình kiểm tra;

h) Chỉ đạo các đơn vị gửi các báo cáo được quy định tại điểm e và điểm g Khoản này vềỦy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp, báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 36. Các doanh nghiệp nhà nước

1. Trách nhiệm của người đứng đầu các doanh nghiệp nhà nước:

a) Chỉ đạo kiểm tra việc lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kiểm tra việc tổ chức lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng và các hoạt động khác liên quan đến đấu thầu đối với các dự án do mình quyết định đầu tư;

b) Phê duyệt kế hoạch kiểm tra định kỳ đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi; Quyết định kiểm tra và Kết luận kiểm tra hoạt động đấu thầu quy định tại điểm a Khoản này;

c) Giao một phòng ban trực thuộc thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra hoạt động đấu thầu;

d) Quyết định biện pháp xử lý sau kiểm tra (nếu có);

đ) Tổng hợp tình hình thực hiện kiểm tra hàng năm đối với các dự án do mình quyết định đầu tư;

e) Tổng hợp danh sách các nhà thầu, các tổ chức/cá nhân có liên quan đã bị xử lý khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật về đấu thầu, pháp luật khác có liên quan trong quá trình kiểm tra;

g) Gửi các báo cáo được quy định tại điểm đ và điểm e Khoản này tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Đơn vị được phân công chức năng, nhiệm vụ kiểm tra hoạt động đấu thầu của các doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các cuộc kiểm tra do người đứng đầu doanh nghiệp mình quyết định.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 37. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2016. Thông tư này thay thế Thông tư số 01/2011/TT-BKHĐT ngày 04 tháng 01 năm 2011 quy định chi tiết kiểm travề công tác đấu thầu.

Điều 38. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các doanh nghiệp nhà nước chỉ đạo việc phân công chức năng, nhiệm vụ kiểm tra hoạt động đấu thầu thuộc phạm vi quản lý của mình và gửi danh sách cơ quan, đơn vị được phân công chức năng, nhiệm vụ kiểm tra hoạt động đấu thầu đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, theo dõi, quản lý và điều hành việc kiểm tra hoạt động đấu thầu trên phạm vi toàn quốc.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời hướng dẫn./.

Nơi nhận:
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy Ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Kế hoạch và Đầu tư;
- Các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, Cục QLĐT (ĐA.).

BỘ TRƯỞNG
Đã ký
Nguyễn Chí Dũng

MẪU HỒ SƠ KÈM THEO

Số TT	Tên mẫu	Loại file
1	Mẫu hồ sơ mời tuyển lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư	Word

Số TT	Tên mẫu	Loại file
	theo hình thức đối tác công tư)	

Toàn văn: Thông tư số 10/2016/TT-BKHĐT ngày 22/07/2016 của Bộ Kế hoạch đầu tư Quy định chi tiết việc giám sát, theo dõi và kiểm tra hoạt động đấu thầu